

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 373 /CTTPHCM-TTHT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2021

V/v thuế tiêu thụ đặc biệt

Kính gửi: Công ty TNHH MTV 27/7 TP.HCM

Địa chỉ: 153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
MST: 0300514013

Trả lời văn thư không số ngày 06/01/2021 của Công ty về thuế tiêu thụ đặc biệt, Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Điểm a Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

“b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

...”

Căn cứ khoản 1.3 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) quy định đối tượng không chịu thuế:

“Điều 3. Đối tượng không chịu thuế

Hàng hóa quy định tại Điều 2 Thông tư này không thuộc diện chịu thuế TTĐB trong các trường hợp sau:

1. Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu, bao gồm:

...

1.3. Hàng hóa do cơ sở sản xuất bán hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế.

Cơ sở sản xuất có hàng hoá thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB quy định tại điểm này phải có hồ sơ chứng minh là hàng hoá đã thực tế xuất khẩu như sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hoá để xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu giữa cơ sở sản xuất và cơ sở kinh doanh xuất khẩu.

- Hóa đơn bán hàng, giao hàng uỷ thác xuất khẩu.

- Biên bản thanh lý (thanh lý toàn bộ hoặc từng phần) hợp đồng bán hàng hoá để xuất khẩu, biên bản thanh lý hợp đồng uỷ thác xuất khẩu thể hiện rõ các nội dung sau:

Tên, số lượng, chủng loại, mặt hàng, giá bán của hàng hoá đã thực tế xuất khẩu; hình thức thanh toán; số tiền và số, ngày chứng từ thanh toán hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng của người mua nước ngoài cho cơ sở xuất khẩu; số tiền và số, ngày của chứng từ thanh toán giữa cơ sở sản xuất với cơ sở xuất khẩu hoặc cơ sở nhận uỷ thác xuất khẩu; số, ngày của hợp đồng xuất khẩu, bản sao tờ khai Hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu.


Đối với hàng hoá cơ sở xuất khẩu mua, nhận uỷ thác xuất khẩu để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước, cơ sở kinh doanh xuất khẩu phải kê khai, nộp thuế TTĐB đối với các hàng hoá này khi tiêu thụ (bán) trong nước”.

Trường hợp Công ty theo trình bày sản xuất rượu bán cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế đã xuất hàng giao cho bên mua thì khi bán hàng Công ty phải lập hóa đơn GTGT, tính và kê khai nộp thuế GTGT áp dụng thuế suất 10% theo quy định.

Trường hợp bên mua có đủ hồ sơ chứng minh là hàng hoá đã thực tế xuất khẩu theo quy định tại khoản 1.3 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC thì thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB (khi xác định giá bán rượu Công ty không tính thuế TTĐB).

Trường hợp khi thanh lý hợp đồng cơ sở kinh doanh xuất khẩu không có đủ hồ sơ chứng minh là hàng hoá đã thực tế xuất khẩu theo quy định thì không thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB, Công ty phải tính, kê khai nộp thuế TTĐB theo quy định.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. /.

Nơi nhận: 

- Như trên;
 - P. TT KT số 3;
 - P. NVDTPC;
 - Lưu: VT, TTHT (ndkhoa.5b)
- 99-1213/21

15 12 38

